

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 16-5-2023

“V/v: Ly hôn”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Khắc Thái.

2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QDDST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Công M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 13/23 khu phố Nhị Đồng 1, phường D, thành phố , tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn:Chị Lê Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Anh M, chị Hồng vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai tại Tòa án nhân dân huyện N nguyên đơn Anh Trần Công M trình bày:

Ngày 17/12/2004, Anh Trần Công M đăng ký kết hôn với Chị Lê Thị H tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh M, chị Hồng sinh sống tại thôn 3, xã Ph, huyện N. Quá trình chung sống vợ chồng anh M, chị Hồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng anh M, chị Hồng là do vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế chung trong gia đình. Đến năm 2018, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh M đã chuyển vào sinh sống và làm việc tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Từ đó, vợ chồng anh M, chị Hồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay anh M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với Chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh Trần Công M, Chị Lê Thị H có 02 con chung là các cháu Trần Thanh Hà, sinh ngày 01/6/2003 và Trần Công Tuấn, sinh ngày 19/11/2004. Hiện cả 02 cháu Thanh Hà, Công Tuấn đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Trần Công M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Chị Lê Thị H: Mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án về việc Anh Trần Công M xin ly hôn với chị, nhưng chị Hồng vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên khi Tòa án gửi Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất cho chị Hồng thì chị có lên và trình bày: Do chị đi bế cháu nên không lên Tòa làm việc được, chị xác định mâu thuẫn giữa chị với anh M là do anh M không chung thủy với chị, anh M đã bỏ mẹ con chị vào Nam sinh sống cách đây 5 năm. Nay anh M xin ly hôn với chị thì chị không nhất trí vì không muốn gia đình tan nát. Tuy nhiên nếu anh M vẫn cương quyết xin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý. Về con chung: Chị cũng xác định có 02 con chung là các cháu Trần Thanh Hà, sinh ngày 01/6/2003 và Trần Công Tuấn, sinh ngày 19/11/2004. Hiện cả 02 cháu Thanh Hà, Công Tuấn đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được nên chị Hồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt, Anh Trần Công M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Hồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Công M. Xử ly hôn giữa Anh Trần Công M và Chị Lê Thị H.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Công Mạnh phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003748 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơnChị Lê Thị H hiện cư trú tại thôn 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt củaChị Lê Thị H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và giao thông báo thụ lý vụ án cho chị Hồng theo quy tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt trực tiếp cho chị Hồng hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Hồng của Tòa án nhân dân huyện N là hợp lệ. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023 chị Hồng có ý kiến xin Tòa án xử vắng mặt chị, anh M vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Công M,Chị Lê Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 17/12/2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh M, chị Hồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau do vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế chung trong gia đình. Từ năm 2018, anh M đã chuyển vào sinh sống và làm việc tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên vợ chồng anh M, chị Hồng sống ly thân từ đó. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại

đơn xin xử vắng mặt anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Hồng không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh M và không đến làm việc theo Giấy triệu tập, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án, chứng tỏ chị Hồng không có thiện trí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh M, chị Hồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh M là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh Trần Công M, Chị Lê Thị H có 02 con chung là các cháu Trần Thanh Hà, sinh ngày 01/6/2003 và Trần Công Tuấn, sinh ngày 19/11/2004. Hiện cả 02 cháu Thanh Hà, Công Tuấn đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được. Anh M, chị Hồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Công M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Công M. Xử lý hôn giữa Anh Trần Công M và Chị Lê Thị H.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Công M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003748 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyền kháng cáo: Anh Trần Công M và Chị Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH

